

Bản án số: 25/2019/HSPT

Ngày: 23/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Tuyên.**

***Các Thẩm phán:* Bà Nghiêm Thị Lượng.**

Ông Nguyễn Hữu Hòa.

- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

***Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Trường Trung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.**

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Xuân Quý - Kiểm sát viên.**

Ngày 23 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 47/2019/HSPT ngày 25 tháng 02 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T, đã chết và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1939; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai.

Chồng là Nguyễn Quốc T, sinh năm 1967 và 03 con lớn, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến ngày 21/01/2019, được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/10;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Đức K, đã chết và bà Nguyễn Thị Đ, đã chết; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ tư.

Có chồng là Hoàng Xuân P, sinh năm 1962 và 02 con, lớn sinh năm 1985 và nhỏ sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến ngày 21/01/2019, được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

3. Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/10;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn L, đã chết và bà Dương Thị V, đã chết; gia đình có 11 anh em, bị cáo là con thứ sáu.

Có chồng là Lê Hữu B, đã chết và 03 con, lớn sinh năm 1982 và nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến ngày 21/01/2019, được trả tự do tại phiên tòa sơ thẩm. Có mặt.

4. Nguyễn Thị D, sinh năm 1953; giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/10;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn D, đã chết và bà Lê Thị T, đã chết; gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Có chồng là Nguyễn Đức L, sinh năm 1954 và 05 con, lớn sinh năm 1978 và nhỏ sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2018 đến ngày 11/01/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”. Có mặt.

5. Nguyễn Thị P, sinh năm 1957; giới tính: Nữ.

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 3/10;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Thế L, đã chết và bà Dương Thị T, sinh năm 1929; gia đình có 07 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Có chồng là Nguyễn Văn A, sinh năm 1954 và 03 con, lớn sinh năm 1980 và nhỏ sinh năm 1985.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo T, P, M, H là: Luật sư Nguyễn Ánh Thơm và Luật sư Nguyễn Thị Hương, Văn phòng luật sư Nguyễn Anh, đoàn luật sư thành phố Hà Nội. đều có mặt

Trong vụ án còn có 01 bị cáo khác không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam (gọi tắt là Dabaco Việt Nam) làm chủ đầu tư Dự án xây dựng cảng bốc xếp hàng hóa theo Quyết định số 1200/QĐ-CT ngày 22/7/2004 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Dự án hoàn thành việc đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động xong giai đoạn I tại diện tích đất bãi thuộc Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh. Dabaco Việt Nam xin thuê đất để mở rộng cảng bốc xếp hàng hóa. Tại các quyết định số 327/QĐ - UBND ngày 30/6/ 2017 và số 181/QĐ - UBND ngày 12/4/2018, UBND tỉnh Bắc Ninh đã quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho giai đoạn 2 và giai đoạn 3 của dự án. Toàn bộ số đất bị thu hồi là đất công ích thuộc Thôn C, do UBND xã T là chủ sử dụng. Trên đất không có bất cứ cây cối, hoa màu hoặc tài sản trên đất của các hộ dân Thôn C, xã T.

Dabaco Việt Nam đã thực hiện xong việc bồi thường cho chủ sử dụng. Toàn bộ số tiền bồi thường đất đã được chuyển vào tài khoản của UBND xã T theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, Dabaco Việt Nam còn thực hiện việc hỗ trợ. Số tiền được chuyển cho Thôn C sử dụng. Thôn C đã chia số tiền này cho các hộ dân trong thôn. Một số hộ dân của Thôn C, xã T chưa nhận tiền vì cho rằng họ sẽ phải được nhận số tiền nhiều hơn thực tế Dabaco Việt Nam chi trả. Mặc dù biết rằng hộ gia đình không hề có đất bị thu hồi để được bồi thường trong số đất mà Dabaco mở rộng dự án giai đoạn 2 và 3 nói trên mà chỉ là khoản tiền được Dabaco hỗ trợ thêm. Trong đó có gia đình các bị cáo T, H, M, Thủy, P và D.

UBND tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện việc giao đất cho Dabaco Việt Nam để thực hiện dự án. Dabaco Việt Nam đã ký hợp đồng xây dựng với Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco để thực hiện việc san lấp mặt bằng. Do một số hộ dân không chịu nhận số tiền hỗ trợ, UBND xã T đã chỉ đạo và thực hiện việc đối thoại trực tiếp với đại diện các hộ gia đình. Các ban

ngành đoàn thể đã tuyên truyền, vận động hội viên của mình thực hiện. Tuy nhiên vẫn không đạt kết quả. Các hộ không nhận tiền tiếp tục có những hành vi cản trở công tác thi công dự án.

Việc thi công dự án đã bị dừng lại và phải báo cáo các cấp có thẩm quyền giải quyết. Bên cạnh việc chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể ở địa phương tiếp tục tuyên truyền, giải thích cho người dân, UBND huyện D đã thành lập Ban bảo vệ thi công, phê duyệt các kế hoạch bảo vệ. Việc bảo vệ thi công huy động lực lượng của: Công an huyện D, Quân sự huyện D; Công an xã; Dân phòng; Dân quân tự vệ xã T.

Ngày 14/12/2018, công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco tiếp tục san lấp mặt bằng để thi công dự án. Trước đó, sự việc đã được thông báo rộng rãi trên hệ thống loa truyền thanh của Thôn C. Khoảng 09h30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị P đã đến khu vực thi công với mục đích cản trở việc thi công. Khi tới chốt bảo vệ của tổ số 3, các bị cáo đã được vận động tuyên truyền và yêu cầu không được vào nơi thi công nhưng các bị cáo không những không chấp hành mà có hành vi xô đẩy, to tiếng, la hét lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ. Bị cáo H còn bắt nhip cho các bị cáo khác hò hét làm huyên náo khu vực.

Do tổ bảo vệ số 3 kiên quyết ngăn chặn không cho vào khu vực thi công, nên T, M, H, Thủy, P, D đồng loạt lợi qua rãnh nước, chui qua hàng rào dây thép gai, dây bảo vệ công trường và chạy vào vị trí anh Đinh Văn Tâm, ông Nguyễn Văn Viện đang lái máy ủi san cát. Khi ông Viện điều khiển máy ủi đang san nền thì T, H, M nằm dưới đất, trước đầu máy ủi của ông Viện. Còn Thủy, P và D đứng ở khu vực đầu máy ủi không cho máy ủi hoạt động. Mặc dù được thuyết phục, yêu cầu ra khỏi khu vực, nhưng T, M, H, Thủy, P, D vẫn không chấp hành. Do vậy, Công an huyện D đã bắt quả tang và đưa về trụ sở lập biên bản làm rõ vụ việc.

Vật chứng thu giữ: Điện thoại di động của các bị cáo D, T, M, H; Thu giữ của D 3.000.000đ, của T 94.000đ, của M 1.380.000đ, của H 153.000đ và Thủy 50.000đ.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện D đã tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm x khoản 1 Điều 51 (đối với bị cáo D); Điều 65 BLHS;

Xử phạt: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị P, mỗi bị cáo 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Thị D 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tội danh, hình phạt với bị cáo Thủy, thời gian thử thách, cơ quan quản lý, nghĩa vụ khi vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách; xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 30/01/2019 các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị D kháng cáo có cùng nội dung cho rằng hành vi của các bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ bị xử phạt hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Cả 05 bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị P đều thừa nhận ngày 14/12/2018, khi biết Công ty DaBaCo tiếp tục san lấp mặt bằng để thi công dự án, các bị cáo đã đến nơi đang thi công, mặc dù đã được lực lượng Công an ngăn cản, giải thích yêu cầu không được vào khu vực đang thi công nhưng các bị cáo đã không chấp hành mà lợi qua rãnh nước chui qua hàng rào dây thép gai chạy vào khu vực đang thi công để ngăn cản việc san lấp mặt bằng. Các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình là sai, xong cho rằng không đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ đáng bị xử phạt hành chính, vì việc làm của các bị cáo là do chưa được bồi thường thỏa đáng và gia đình các bị cáo chưa nhận tiền và chỉ nhằm giữ đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo đã đề nghị HĐXX: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Thị Hường bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị P không nhất trí với tội danh mà cho rằng hành vi của các bị cáo chưa cấu thành tội gây rối trật tự công cộng. Theo Luật sư thì hành vi của các bị cáo chưa gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các bị cáo chưa bị xử lý hành chính và chưa có tiền án, tiền sự... Nên đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo không phạm tội.

Luật sư Nguyễn Anh Thơm bào chữa cho các bị cáo, nhất trí với quan điểm của Luật sư Nguyễn Thị Hường và cho rằng hành vi của các bị cáo có sai nhưng chưa gây hậu quả. Việc kết tội các bị cáo chỉ dựa trên các báo cáo của chính quyền và các cán bộ để kết luận hành vi của các bị cáo là gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội là chưa thuyết phục và hành vi của các bị cáo chưa đến mức xử lý bằng hình sự mà chỉ cần xử lý hành chính là đủ.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa đối đáp, không nhất trí với quan điểm của các Luật sư mà cho rằng hành vi phạm tội của các bị cáo đã thỏa mãn bốn yếu tố cấu thành tội phạm nên vẫn giữ nguyên quan điểm.

Các bị cáo vẫn cho rằng, hành vi của mình có sai nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ đến mức xử phạt hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã áp dụng thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án là có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm, do các bị cáo kháng cáo cho rằng hành vi của các bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ cần xử phạt hành chính. Do đó, không thuộc trường hợp áp dụng thủ tục rút gọn tại giai đoạn phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 456 BLTTHS. Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định hủy bỏ Quyết định áp dụng thủ tục rút gọn và áp dụng thủ tục thông thường là phù hợp.

Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 09h30 ngày 14/12/2018, các bị cáo T, Hà, M, D, P đến công trường thi công tại phân đất Bãi, thuộc Thôn C, xã T, huyện D, tỉnh Bắc Ninh do Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco đang thực hiện việc san lấp mặt bằng với mục đích cản trở việc thực hiện thi công. Cụ thể các bị cáo T, H, M, D, P đã có các hành vi xô đẩy, to tiếng, la hét, hò hát làm huyên náo khu vực. Tiếp đó, sau khi đi đường vòng để chui qua hàng rào dây thép gai để vào công trình các bị cáo T, H, M nằm dưới đất trước đầu máy ủi; bị cáo P và D đứng trước đầu máy ủi không cho máy ủi hoạt động. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội Gây rối trật tự công cộng theo khoản 1 Điều 318 BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo: Các bị cáo T, H, M, D, P đều kháng cáo có nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của các bị cáo chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà chỉ cần xử phạt hành chính. HĐXX nhận thấy: Quá trình thu hồi đất, các cơ quan chức năng tại địa phương đã tuyên truyền, phổ biến pháp luật nhiều lần đến các hộ dân trong thôn về việc diện tích đất thu hồi là đất công ích của xã, Dabaco Việt Nam đã hỗ trợ các hộ dân có đất bị thu hồi, đây là khoản hỗ trợ chứ không phải bồi thường. Việc tuyên truyền rộng rãi người dân đã giúp người dân Thôn C hiểu rõ các quy định của pháp luật, bằng chứng thể hiện là đã có 279/297 hộ dân Thôn C nhận tiền hỗ trợ, còn lại 18 hộ dân chưa nhận tiền hỗ trợ trong đó có gia đình các bị cáo T, H, M, D, P.

Các bị cáo T, H, M, D, P đều là những người có nhân thân tốt chưa từng vi phạm pháp luật, tuy nhiên xuất phát từ sự thiếu hiểu biết, chỉ vì những yêu cầu, đòi hỏi ích kỷ không có căn cứ mà các bị cáo cố tình chống đối, bất chấp các quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của các bị cáo còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, hoạt động đầu tư kinh doanh, làm suy giảm lòng tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án

cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ mức độ, tính chất hành vi của các bị cáo để áp dụng các hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo là phù hợp và đã thể hiện tính nhân đạo và không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được các tình tiết mới nên không có căn cứ xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, bác toàn bộ kháng cáo.

Qua đây, cũng là bài học sâu sắc cho những người dân cần có nhận thức đúng đắn và nghiêm túc chấp hành chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, tránh hành động thiếu hiểu biết, thực hiện các hành vi trái pháp luật để gánh chịu những hậu quả pháp lý đáng tiếc cho chính bản thân.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Các bị cáo T, H, M, D, P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm x khoản 1 Điều 51 (đối với bị cáo D); Điều 65 BLHS. Xử phạt:

Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị P, mỗi bị cáo 05 (Năm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Nguyễn Thị D 04 (bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách của cả 5 bị cáo là 12 (Mười hai) tháng.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Các bị cáo T, H, M, D, P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I – Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án cấp cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện D;
- VKSND huyện D;
- Cơ quan CSĐT huyện D;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

Phạm Minh Tuyên